

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023



## MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	08 - 37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 37

28-C  
TY  
M HỮU  
VÀ ĐINH  
T NA  
1Y - T  
38  
NO  
Ổ P  
IS  
ÊT  
PH

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Trung	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch
Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thanh Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

- Thiết kế và thực hiện hệ thống Kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Trần Thanh Hiệp**

Số: 2808.02-23/BC-TC/VAE

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam được lập ngày 28 tháng 08 năm 2023, từ trang 8 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## **Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

### ***Các vấn đề phát sinh từ các kỳ trước ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này***

#### ***Số dư đầu kỳ***

Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh hồi tố đối với số dư đầu năm 2023 (nếu có) và các ảnh hưởng của chúng đến số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty hay không.

#### ***Nợ xấu và nợ phải thu khó đòi***

Tại ngày 30/06/2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 40,74 tỷ VND (tại ngày 31/12/2022 là 46,93 tỷ VND). Việc trích lập dự phòng này dựa trên đánh giá chủ quan của Ban Tổng Giám đốc Công ty mà không có đầy đủ cơ sở đánh giá khả năng thu hồi phù hợp. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay kết luận về các khoản phải thu và trả trước cho người bán này tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

#### ***Giá trị của hàng tồn kho***

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, và chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 30/06/2023 với giá trị ghi sổ là 137,60 tỷ VND (tại ngày 31/12/2022 là 130,12 tỷ VND). Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Công ty dựa trên ước tính chủ quan của mình về giá trị thuần có thể thực hiện và đã lập dự phòng cho khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022 với cùng số tiền là 7,98 tỷ VND. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay kết luận về khoản mục hàng tồn kho tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

#### ***Giá trị của tài sản cố định***

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp, và chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022 với cùng nguyên giá là 125,96 tỷ VND. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay kết luận về khoản mục tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

### *Chi phí trả trước dài hạn*

Tại thời điểm soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về khoản chi phí trả trước dài hạn là Chi phí giải phóng mặt bằng tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An với số dư là 9,45 tỷ VND (Tại ngày 31/12/2022 là 9,93 tỷ VND). Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay kết luận về khoản mục chi phí trả trước dài hạn tại ngày 30/06/2023 và ngày 31/12/2022, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

### *Dự phòng nghĩa vụ phải trả*

Tại thời điểm 30/06/2023, Công ty con là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam đang ghi nhận khoản vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với số tiền 97,742 tỷ VND (tại ngày 31/12/2022 là 98,692 tỷ VND). Hiện tại, Công ty con đang bị Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do chậm thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn. . Tập đoàn cũng chưa ghi nhận bất cứ khoản dự phòng nào liên quan đến các vụ kiện này vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay kết luận về các khoản dự phòng nghĩa vụ phải trả và chi phí tương ứng có thể phát sinh từ vụ kiện, cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

### *Giả định hoạt động liên tục*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên

- Tại ngày 30/06/2023, lỗ lũy kế của Tập đoàn là 249,39 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023: 244,24 tỷ VND). Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023 đang âm 85,33 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2023 âm 80,19 tỷ VND). Nợ ngắn hạn tại ngày 30/06/2023 và tại ngày 01/01/2023 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn với số tiền tương ứng là 101,95 tỷ VND và
- Ngày 07/11/2022, Công ty Cổ phần CMISTONE (Công ty mẹ) đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng các biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15,94 tỷ VND (thời gian cưỡng chế là 01 năm).
- Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã khởi kiện Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/04/2018 với số tiền đã cho vay là 100 tỷ VND để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, các khoản vay đã đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam.

Sự tồn tại của nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu nêu trên tạo ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

## **Khác**

Trong kỳ 06 tháng đầu năm 2023, Công ty mẹ đã hạch toán thu hồi bằng tiền mặt khoản phải thu khách hàng với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring với tổng số tiền là 6,182 tỷ VND đồng thời hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi tương ứng với số tiền nêu trên. Do hạn chế trong việc cung cấp hồ sơ chứng từ của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra các điều chỉnh hay kết luận về các khoản mục có liên quan đến các giao dịch này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 hay không (bao gồm cả số liệu so sánh).

## **Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

## **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 31 tháng 03 năm 2023.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

**Công ty TNHH Kiểm toán và**

**Định giá Việt Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Quang Trung**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1938-2023-034-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>147.667.925.271</b>	<b>137.716.729.961</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>108.972.491</b>	<b>84.278.566</b>
111	1. Tiền		108.972.491	84.278.566
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>7.342.199.670</b>	<b>5.868.007.698</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	10.450.827.841	14.350.118.744
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	12.255.240.905	12.837.855.508
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.211.000.000	2.406.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	13.336.625.894	13.367.528.416
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(30.911.494.970)	(37.093.494.970)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>129.616.106.535</b>	<b>122.144.843.628</b>
141	1. Hàng tồn kho		137.595.577.140	130.124.314.233
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.979.470.605)	(7.979.470.605)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.600.646.575</b>	<b>9.619.600.069</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		10.600.646.575	9.619.600.069
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>83.677.224.995</b>	<b>87.450.270.717</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	4	723.287.361	723.287.361
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	9.112.634.552	9.112.634.552
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(9.835.921.913)	(9.835.921.913)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>74.225.487.323</b>	<b>77.520.636.197</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	68.608.969.650	71.579.892.540
222	- Nguyên giá		125.957.672.439	125.957.672.439
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.348.702.789)	(54.377.779.899)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.616.517.673	5.940.743.657
228	- Nguyên giá		9.975.000.000	9.975.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.358.482.327)	(4.034.256.343)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>9.451.737.672</b>	<b>9.929.634.520</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.451.737.672	9.929.634.520
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>231.345.150.266</b>	<b>225.167.000.678</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>316.678.007.299</b>	<b>305.352.068.649</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>249.615.121.342</b>	<b>237.139.182.692</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	20.434.631.047	16.909.673.506
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	9.475.398.430	6.434.464.508
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	15.136.857.552	15.136.857.552
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	82.414.040.327	77.479.792.108
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.535.568.093	6.546.769.125
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	115.617.073.893	114.630.073.893
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.552.000	1.552.000
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>67.062.885.957</b>	<b>68.212.885.957</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	67.062.885.957	68.212.885.957
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(85.332.857.033)</b>	<b>(80.185.067.971)</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>(85.332.857.033)</b>	<b>(80.185.067.971)</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		160.000.000.000	160.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.000.000.000	160.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.167.767.978	3.167.767.978
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		891.344.168	891.344.168
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(249.391.969.179)	(244.244.180.117)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(244.244.180.117)	(274.422.875.056)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(5.147.789.062)	30.178.694.939
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>231.345.150.266</b>	<b>225.167.000.678</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hiệp

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.982.138.996	4.115.641.397
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.982.138.996	4.115.641.397
11	3. Giá vốn hàng bán	21	(7.349.951.579)	(5.987.840.219)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.367.812.583)	(1.872.198.822)
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	216.870	903.707
22	6. Chi phí tài chính	23	(5.039.094.359)	(5.254.787.871)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.934.248.219)	(4.946.192.329)
25	7. Chi phí bán hàng		(93.648.947)	(1.171.307.038)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.740.799.996	13.688.382.779
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh		(1.759.539.023)	5.390.992.755
31	10. Thu nhập khác	25	315.642.861	-
32	11. Chi phí khác	26	(3.703.892.900)	(3.556.080.618)
40	12. Lợi nhuận khác		(3.388.250.039)	(3.556.080.618)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.147.789.062)	1.834.912.137
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.147.789.062)	1.834.912.137
61	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.147.789.062)	1.834.912.137
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	(322)	115

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hiệp

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(5.147.789.062)</b>	<b>1.834.912.137</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	3.295.148.874	3.157.636.592
03	- Các khoản dự phòng	(6.182.000.000)	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(216.870)	(903.707)
06	- Chi phí lãi vay	4.934.248.219	4.946.192.329
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(3.100.608.839)</b>	<b>9.937.837.351</b>
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	3.531.761.522	15.786.849.015
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(7.471.262.907)	(25.927.068.994)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	6.554.690.431	4.368.865.987
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	477.896.848	502.137.698
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(7.522.945)</b>	<b>4.668.621.057</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(195.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	195.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	216.870	903.707
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>195.216.870</b>	<b>(194.096.293)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu đi vay	987.000.000	905.978.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(1.150.000.000)	(5.636.500.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(163.000.000)</b>	<b>(4.730.522.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>24.693.925</b>	<b>(255.997.236)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>84.278.566</b>	<b>373.195.584</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>117.198.348</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hiệp

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102381001 thay đổi lần thứ 15 ngày 22/05/2019 thì Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng), tương đương 16.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là CMI.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là khai thác, sản xuất và kinh doanh thương mại các loại đá.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc Tập đoàn

*Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 như sau:*

Công ty con duy nhất là Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam có trụ sở chính tại số 25, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất, thương mại. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Công ty tại Yên Bái	Thôn Chấn Hưng, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Văn phòng Công ty tại Quảng Ngãi	Thôn Huy Măng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

### **Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại 30/06/2023 là 17 người (tại 31/12/2022: 17 người).

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

#### *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.4 . Giá định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30/06/2023, lỗ lũy kế của Tập đoàn là 249,39 tỷ VND (tại ngày 01/01/2023: 244,24 tỷ VND). Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại ngày 30/06/2023 đang âm 85,33 tỷ VND (Tại ngày 01/01/2023 âm 80,19 tỷ VND). Nợ ngắn hạn tại ngày 30/06/2023 và tại ngày 01/01/2023 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn với số tiền tương ứng là 101,95 tỷ VND và 99,42 tỷ VND.

Ngày 07/11/2022, Công ty Cổ phần CMISTONE (Công ty mẹ) đã bị Cục thuế Thành phố Hà Nội cưỡng chế bằng các biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn theo Quyết định số 53516/CTHN-QLN do có số tiền thuế quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế với số tiền 15,94 tỷ VND (thời gian cưỡng chế là 01 năm).

Ngoài ra, ngày 28/12/2021, Tòa án Nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 127/TLST-KDTM. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã khởi kiện Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam (công ty con) do vi phạm hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ký ngày 27/04/2018 với số tiền đã cho vay là 100 tỷ VND để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc, thiết bị, các khoản vay đã đầu tư vào Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam.

Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tập đoàn đang tập trung xây dựng các phương án kinh doanh để Công ty có thể tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai. Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

Vi vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục công nợ cần thiết trong trường hợp Tập đoàn không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập dựa trên cơ sở dự đoán các sự kiện sẽ diễn ra trong tương lai như đã nêu ở trên.

## **2.5 . Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **2.6 . Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.7 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy

## **2.8 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **2.9 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 02 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác   | 05 - 25 năm |

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền khai thác mỏ đá. Công ty khấu hao Quyền khai thác mỏ đá theo thời gian ước tính khai thác là 30 năm.



### 2.11 . Nguyên tắc kế toán thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.12 . Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nghĩa Đàn tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

### 2.13 . Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

### 2.14 . Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

### 2.15 . Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**2.17 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***a) Chi phí thuế TNDN hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

***d) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành***

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp

**2.22 . Thông tin bộ phận**

Trong kỳ, Công ty mẹ không có hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty con chỉ hoạt động sản xuất và thương mại các loại đá ở địa bàn tỉnh Nghệ An nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	30.427.517	7.374.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.544.974	76.904.224
<b>Cộng</b>	<b>108.972.491</b>	<b>84.278.566</b>

**4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.450.827.841</b>	<b>(4.299.452.373)</b>	<b>14.350.118.744</b>	<b>(10.481.452.373)</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	623.734	(623.734)	5.147.623.734	(5.147.623.734)
Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Toàn Cầu	3.145.351.660	-	3.145.351.660	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	2.185.435.360	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring	1.575.148.029	(1.575.148.029)	2.610.148.029	(2.610.148.029)
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Nghệ An	1.333.166.392	(1.333.166.392)	1.333.166.392	(1.333.166.392)
Các khách hàng khác	2.211.102.666	(1.390.514.218)	2.113.828.929	(1.390.514.218)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>723.287.361</b>	<b>(723.287.361)</b>	<b>723.287.361</b>	<b>(723.287.361)</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring	723.287.361	(723.287.361)	723.287.361	(723.287.361)
	<b>11.174.115.202</b>	<b>(5.022.739.734)</b>	<b>15.073.406.105</b>	<b>(11.204.739.734)</b>
<b>c) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>2.775.892.374</b>	<b>(141.195.694)</b>	<b>186.121.826</b>	<b>(141.195.694)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30)

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	(7.184.798.559)	7.184.798.559	(7.184.798.559)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	2.025.667.720	(2.025.667.720)	2.025.667.720	(2.025.667.720)
Các đối tượng khác	3.044.774.626	(1.855.423.924)	3.627.389.229	(1.855.423.924)
	<b>12.255.240.905</b>	<b>(11.065.890.203)</b>	<b>12.837.855.508</b>	<b>(11.065.890.203)</b>
<b>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>(9.210.466.279)</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>(9.210.466.279)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30)

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long (*)	2.211.000.000	(2.211.000.000)	2.211.000.000	(2.211.000.000)
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam (**)	-	-	195.000.000	-
	<b>2.211.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>	<b>2.406.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>2.211.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>	<b>2.406.000.000</b>	<b>(2.211.000.000)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30)

(\*) Khoản cho vay không có lãi suất. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100%.

(\*\*) Khoản cho vay với lãi suất 0%/năm. Thời hạn cho vay từ ngày 27/05/2022 đến ngày 27/05/2023. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	65.600.000	(65.600.000)	65.600.000	(65.600.000)
Tạm ứng	254.210.324	(252.736.824)	279.242.224	(252.736.824)
Phải thu khác	13.016.815.570	(13.016.815.570)	13.022.686.192	(13.016.815.570)
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	(8.123.395.577)	8.123.395.577	(8.123.395.577)
- Các đối tượng khác	4.893.419.993	(4.893.419.993)	4.899.290.615	(4.893.419.993)
	<b>13.336.625.894</b>	<b>(13.335.152.394)</b>	<b>13.367.528.416</b>	<b>(13.335.152.394)</b>
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.512.959.872	(1.512.959.872)	1.512.959.872	(1.512.959.872)
Phải thu khác	7.599.674.680	(7.599.674.680)	7.599.674.680	(7.599.674.680)
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn (*)	7.599.674.680	(7.599.674.680)	7.599.674.680	(7.599.674.680)
	<b>9.112.634.552</b>	<b>(9.112.634.552)</b>	<b>9.112.634.552</b>	<b>(9.112.634.552)</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>16.819.211.804</b>	<b>(16.819.211.804)</b>	<b>16.819.211.804</b>	<b>(16.819.211.804)</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30)

(\*) Căn cứ vào Hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMI-2014 ngày 01/11/2014 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn, Công ty dự kiến góp vốn 25 tỷ VND để cùng đầu tư xây dựng, lắp đặt, khai thác trạm tuyến chế biến Mỏ quặng sắt tại thôn Làng Hồ, xã Hương Sơn, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị. Thời gian hợp đồng từ ngày 01/11/2014 đến khi hết hiệu lực của giấy phép khai thác mỏ. Công ty được hưởng 85% lợi nhuận sản xuất kinh doanh. Thực tế, Công ty đã góp 16.389.674.680 VND bằng quyền đòi nợ các đối tác và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cavio Lào. Đến ngày 31/12/2016 và cho đến nay, Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn vẫn chưa được cấp gia hạn giấy phép khai thác mỏ. Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam vẫn chưa nộp đủ số vốn tối thiểu theo Hợp đồng. Số tiền chưa góp đủ là 8.610.325.320 VND.

**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>42.758.829.533</b>	<b>2.011.412.650</b>	<b>49.451.202.299</b>	<b>2.521.785.416</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>5.843.328.182</b>	<b>820.588.448</b>	<b>11.928.054.445</b>	<b>723.314.711</b>
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	623.734	-	5.147.623.734	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkring	2.298.435.390	-	3.333.435.390	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Nghệ An	1.333.166.392	-	1.333.166.392	-
- Các khách hàng khác	2.211.102.666	820.588.448	2.113.828.929	723.314.711
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>2.211.000.000</b>	-	<b>2.211.000.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000	-	2.211.000.000	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>12.255.240.905</b>	<b>1.189.350.702</b>	<b>12.837.855.508</b>	<b>1.771.965.305</b>
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	-	7.184.798.559	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	2.025.667.720	-	2.025.667.720	-
- Các đối tượng khác	3.044.774.626	1.189.350.702	3.627.389.229	1.771.965.305
<b>Phải thu khác</b>	<b>22.449.260.446</b>	<b>1.473.500</b>	<b>22.474.292.346</b>	<b>26.505.400</b>
- Ký quỹ, ký cược	1.578.559.872	-	1.578.559.872	-
- Tạm ứng	254.210.324	1.473.500	273.371.602	26.505.400
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	-	8.123.395.577	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	7.599.674.680	-	7.599.674.680	-
- Phải thu khác	4.893.419.993	-	4.899.290.615	-
	<b>42.758.829.533</b>	<b>2.011.412.650</b>	<b>49.451.202.299</b>	<b>2.521.785.416</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	50.807.804.812	-	41.200.539.951	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.979.470.605	(7.979.470.605)	7.979.470.605	(7.979.470.605)
Thành phẩm	64.030.204.750	-	66.166.206.704	-
Hàng hóa	5.560.426.600	-	5.560.426.600	-
Hàng gửi đi bán	9.217.670.373	-	9.217.670.373	-
	<b>137.595.577.140</b>	<b>(7.979.470.605)</b>	<b>130.124.314.233</b>	<b>(7.979.470.605)</b>



**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	35.147.320.844	83.085.005.125	3.319.147.521	4.406.198.949	125.957.672.439
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>35.147.320.844</b>	<b>83.085.005.125</b>	<b>3.319.147.521</b>	<b>4.406.198.949</b>	<b>125.957.672.439</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	9.989.912.990	40.507.418.594	2.535.294.147	1.345.154.168	54.377.779.899
- Khấu hao trong kỳ	741.905.599	1.990.057.369	143.267.224	95.692.698	2.970.922.890
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.731.818.589</b>	<b>42.497.475.963</b>	<b>2.678.561.371</b>	<b>1.440.846.866</b>	<b>57.348.702.789</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	25.157.407.854	42.577.586.531	783.853.374	3.061.044.781	71.579.892.540
Tại ngày cuối kỳ	<b>24.415.502.255</b>	<b>40.587.529.162</b>	<b>640.586.150</b>	<b>2.965.352.083</b>	<b>68.608.969.650</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 54.054.590.220 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng là 26.059.945.384 VND.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là quyền khai thác mỏ với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 30/06/2023 lần lượt là 9.975.000.000 VND và 4.358.482.327 VND.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 5.300.565.705 VND.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng tại cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	9.451.737.672	9.929.634.520
	<b><u>9.451.737.672</u></b>	<b><u>9.929.634.520</u></b>

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	81.570.733.151	76.636.484.932
Các khoản trích trước khác	843.307.176	843.307.176
	<b><u>82.414.040.327</u></b>	<b><u>77.479.792.108</u></b>



**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam****Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

**14 . VAY**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	49.835.587.249	49.835.587.249	987.000.000	-	50.822.587.249	50.822.587.249
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (i)	14.623.814.257	14.623.814.257	-	-	14.623.814.257	14.623.814.257
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An (ii)	3.372.550.746	3.372.550.746	-	-	3.372.550.746	3.372.550.746
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát (iii)	31.624.861.246	31.624.861.246	987.000.000	-	32.611.861.246	32.611.861.246
- Vay cá nhân, tổ chức khác (iv)	214.361.000	214.361.000	-	-	214.361.000	214.361.000
Vay dài hạn đến hạn trả	64.794.486.644	64.794.486.644	-	-	64.794.486.644	64.794.486.644
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (v)	14.590.486.644	14.590.486.644	-	-	14.590.486.644	14.590.486.644
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	50.204.000.000	50.204.000.000	-	-	50.204.000.000	50.204.000.000
	<b>114.630.073.893</b>	<b>114.630.073.893</b>	<b>987.000.000</b>	<b>-</b>	<b>115.617.073.893</b>	<b>115.617.073.893</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (v)	33.897.372.601	33.897.372.601	-	-	33.897.372.601	33.897.372.601

**Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam**

Số 27, đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (vi)	99.110.000.000	99.110.000.000	-	1.150.000.000	97.960.000.000	97.960.000.000
	<b>133.007.372.601</b>	<b>133.007.372.601</b>	-	<b>1.150.000.000</b>	<b>131.857.372.601</b>	<b>131.857.372.601</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(64.794.486.644)	(64.794.486.644)	-	-	(64.794.486.644)	(64.794.486.644)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>68.212.885.957</b>	<b>68.212.885.957</b>			<b>67.062.885.957</b>	<b>67.062.885.957</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo Hợp đồng tín dụng số 1450LV201600205 ký ngày 14/04/2016 với hạn mức tín dụng là 23.500.000.000 VND. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm được thực hiện theo các hợp đồng thế chấp: 1450-LCP-201100081; 1450-LCP-201300246; 1450-CLP201500291.
- (ii) Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-21062010/HTĐT-CVCSM-TAS ký ngày 21/06/2010 và phụ lục hợp đồng số 01 ký ngày 21/02/2011. Mục đích: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An góp tiền cho Công ty CAVICO Khoáng sản và Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam) để Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam làm đại diện sử dụng số tiền góp này để đầu tư chứng khoán. Lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm. Thời hạn hợp đồng đến ngày 26/07/2011. Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế, do đó gốc và lãi phải trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An không thực hiện đối chiếu được.
- (iii) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát không tính lãi vay, không có tài sản bảo đảm.

(iv) Vay cá nhân không có tài sản bảo đảm, không tính lãi.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(v) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt theo các Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201500035 ký ngày 22/01/2015 với hạn mức 3,15 tỷ VND. Thời gian hiệu lực là 48 tháng. Mục đích của khoản vay để mua 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng. Lãi suất tại ngày vay là 10,5%/năm, lãi suất thả nổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản bảo đảm là 01 máy xúc lật và 06 xe ô tô Dongfeng hình thành trong tương lai.

- Hợp đồng tín dụng số 1450-LAV201100330 ký ngày 15/09/2011 với hạn mức 5 tỷ VND. Thời gian hiệu lực là 60 tháng. Mục đích vay là để mua máy móc thiết bị. Lãi suất là lãi suất thả nổi. Tài sản bảo đảm là quyền đầu tư khai thác mỏ tại Yên Bái.

(vi) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội bao gồm:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1420-LAV-201500144 ký ngày 13/04/2015. Thời gian hiệu lực là 96 tháng. Mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng nhà máy CMISTONE Việt Nam tại Nghệ An. Lãi suất tại ngày vay là 11%/năm, lãi suất biến đổi 03 tháng điều chỉnh 1 lần. Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng, các công trình thuộc nhà máy CMISTONE Việt Nam.

- Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cmistone Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1420LAV201800138 ngày 27/04/2018. Số tiền cho vay theo hợp đồng là 100 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để nhận lại hoạt động sản xuất đá nhân tạo, quản lý các công trình xây dựng, máy móc thiết bị tại Nhà máy CMISTONE Việt Nam của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam. Đồng thời nhận lại quyền và nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng số 1420LAV201500144 ngày 13/04/2015 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1420LAV201600050 ngày 04/02/2016 được ký giữa Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam và Ngân hàng. Thời hạn cho vay là 68 tháng từ ngày 27/04/2018 đến ngày 31/12/2024. Lãi suất cho vay là 10%/năm. Các tài sản dùng để thế chấp cho Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam được chuyển sang để thế chấp cho Công ty TNHH MTV CMISTONE Việt Nam. Bao gồm: quyền thuê quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình trên đất hình thành trong tương lai theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại thửa đất số 950, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC-402102 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/01/2016, xe ô tô tải, trạm nghiên sáng đá, máy bơm, hệ thống gầu tải,...

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Guangzhou Honesty Trading Co.,Ltd	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000	2.018.685.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	13.308.811.132	13.308.811.132	9.730.989.217	9.730.989.217
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp Đông Nam	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410	1.406.756.410
Các đối tượng khác	3.700.378.505	3.700.378.505	3.753.242.879	3.753.242.879
	<b><u>20.434.631.047</u></b>	<b><u>20.434.631.047</u></b>	<b><u>16.909.673.506</u></b>	<b><u>16.909.673.506</u></b>
<b>b) Trong đó: Phải trả bán là các bên liên quan</b>	<b><u>13.474.275.132</u></b>	<b><u>13.474.275.132</u></b>	<b><u>9.896.453.217</u></b>	<b><u>9.896.453.217</u></b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)</i>				

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cao Thăng	5.750.000.000	5.750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại HD Việt Nam	3.499.995.500	-
Các khách hàng khác	225.402.930	684.464.508
	<b><u>9.475.398.430</u></b>	<b><u>6.434.464.508</u></b>
<b>c) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>50.441.645</u></b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)</i>		

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	776.753.000	776.753.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.919.437.961	-	-	1.919.437.961
Thuế thu nhập cá nhân	402.861.685	-	-	402.861.685
Thuế tài nguyên	1.729.417.939	-	-	1.729.417.939
Các loại thuế khác	616.979.082	-	-	616.979.082
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.468.160.885	3.000.000	3.000.000	10.468.160.885
	<b><u>15.136.857.552</u></b>	<b><u>779.753.000</u></b>	<b><u>779.753.000</u></b>	<b><u>15.136.857.552</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

0120222  
 CÔNG TY  
 CH NHIỆM H  
 TỐÁN VÀ Đ  
 VIỆT NA  
 GIẤY - T  
 01  
 C  
 C  
 CM  
 VI  
 VH

**18 . PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.729.404.675	1.729.404.675
Kinh phí công đoàn	121.656.904	121.656.904
Bảo hiểm xã hội	2.955.115.009	2.955.115.009
Bảo hiểm y tế	90.910.190	90.910.190
Bảo hiểm thất nghiệp	7.385.832	7.385.832
Phải trả về cổ phần hóa	123.002.409	123.002.409
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.508.093.074	1.519.294.106
<b>Cộng</b>	<b>6.535.568.093</b>	<b>6.546.769.125</b>

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>3.167.767.978</b>	<b>891.344.168</b>	<b>(274.422.875.056)</b>	<b>(110.363.762.910)</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	1.834.912.137	1.834.912.137
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>3.167.767.978</b>	<b>891.344.168</b>	<b>(272.587.962.919)</b>	<b>(108.528.850.773)</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>3.167.767.978</b>	<b>891.344.168</b>	<b>(244.244.180.117)</b>	<b>(80.185.067.971)</b>
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(5.147.789.062)	(5.147.789.062)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>3.167.767.978</b>	<b>891.344.168</b>	<b>(249.391.969.179)</b>	<b>(85.332.857.033)</b>



**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	160.000.000.000	160.000.000.000
- <b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	16.000.000	16.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.000.000	16.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

**d) Các quỹ của Công ty**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	891.344.168	891.344.168
	<b>891.344.168</b>	<b>891.344.168</b>

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.982.138.996	4.115.641.397
	<b>4.982.138.996</b>	<b>4.115.641.397</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30)</i>	<b>4.982.138.996</b>	-

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	7.349.951.579	5.987.840.219
	<b>7.349.951.579</b>	<b>5.987.840.219</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>3.190.400.000</b>	<b>1.532.577.400</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	216.870	903.707
	<b>216.870</b>	<b>903.707</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.934.248.219	4.946.192.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	104.846.140	308.595.542
	<b>5.039.094.359</b>	<b>5.254.787.871</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	296.243.268	200.678.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	21.321.090
Thuế, phí và lệ phí	14.787.646	34.618.131
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(6.182.000.000)	(14.000.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.169.090	55.000.000
	<b>(5.740.799.996)</b>	<b>(13.688.382.779)</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản được bồi thường	315.642.861	-
	<b>315.642.861</b>	<b>-</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí khấu hao, phân bổ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.693.592.900	3.556.080.618
Các khoản khác	10.300.000	
	<b><u>3.703.892.900</u></b>	<b><u>3.556.080.618</u></b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(5.147.789.062)	1.834.912.137
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(5.147.789.062)	1.834.912.137
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	16.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>(322)</u></b>	<b><u>115</u></b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**28 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	987.000.000	905.978.000

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.150.000.000	5.636.500.000

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
- Ông Nguyễn Hữu Trung	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Thanh Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	Ông Nguyễn Hữu Trung - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn
- Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Ông Trần Thanh Hiệp - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	Ông Trần Thanh Hữu - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam đồng thời là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Thu gốc vay</b>	<b>1.187.000.000</b>	<b>1.232.978.000</b>
- Ông Trần Thanh Hiệp	200.000.000	28.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	987.000.000	1.204.978.000
<b>Trả nợ vay</b>	<b>200.000.000</b>	<b>5.186.500.000</b>
- Ông Trần Thanh Hiệp	200.000.000	15.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	-	5.171.000.000
<b>Tạm ứng</b>	<b>-</b>	<b>506.828.200</b>
- Ông Trần Thanh Hiệp	-	506.828.200
<b>Mua hàng</b>	<b>3.190.400.000</b>	<b>1.532.577.400</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	3.190.400.000	1.532.577.400
<b>Bán hàng</b>	<b>2.228.577.600</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	2.228.577.600	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>2.775.892.374</b>	<b>186.121.826</b>
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	53.093.352	53.093.352
- Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	88.102.342	88.102.342
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	2.634.696.680	44.926.132
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>-</b>	<b>50.441.645</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	-	50.441.645
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>13.474.275.132</b>	<b>9.896.453.217</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	13.308.811.132	9.730.989.217
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	165.464.000	165.464.000
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>9.210.466.279</b>	<b>9.210.466.279</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	7.184.798.559	7.184.798.559

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>2.211.000.000</b>	<b>2.406.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn	2.211.000.000	2.211.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	-	195.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>16.819.211.804</b>	<b>16.819.211.804</b>
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn	7.599.674.680	7.599.674.680
- Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	971.106.250	971.106.250
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	8.123.395.577	8.123.395.577
- Ông Trần Thanh Hữu	90.942.260	90.942.260
- Ông Trần Thanh Hiệp	34.093.037	34.093.037
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>32.611.861.246</b>	<b>31.624.861.246</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Gia Phát	32.611.861.246	31.624.861.246

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC - Chi nhánh Hà Thành soát xét.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2023

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**





**Trần Thị Hiền**

**Trần Thị Hiền**

**Trần Thanh Hiệp**